

DI SẢN VĂN HÓA - Một nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội

NGUYỄN HỮU TOÀN*

1- Trong xã hội hiện đại, mỗi quốc gia đều phải giải quyết nhiệm vụ tăng cường khả năng cạnh tranh/phát triển kinh tế trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực của đất nước, trong đó có nguồn lực được hình thành từ lĩnh vực hoạt động văn hóa. Nhiệm vụ ấy càng đặt ra một cách trực tiếp, thường nhật, đòi hỏi phải được giải quyết thấu đáo trong suốt quá trình tiến hành công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Bởi vì, ngày nay, từ nhận thức ngày càng đầy đủ về những lý thuyết phát triển và từ kiểm nghiệm của thực tiễn, người ta ngày càng thống nhất xác định văn hóa là yếu tố đồng hành, chỉ dẫn chất lượng sống của con người trong các quan hệ với thực tại. Theo đó, văn hóa không đứng ngoài phát triển, *văn hóa là nhân tố nội sinh của phát triển*. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng ta đã chỉ rõ: *Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội*.

Ngày nay, các nguồn lực của sự phát triển thường được tính đến bao gồm: vốn, tài nguyên, khoa học kỹ thuật, con người cùng các quan hệ xã hội. Do vậy, nhận thức văn hóa là *nền tảng tinh thần, là động lực thúc đẩy*, là nhân tố nội sinh, của sự phát triển kinh tế - xã hội, cũng có nghĩa khẳng định văn hóa là một nguồn lực quan trọng, nguồn lực phi vật thể, của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây thực sự là một bổ sung/cụ thể hóa nhận thức về các nguồn lực của sự phát triển.

Di sản văn hóa là tài sản văn hóa của các thế hệ trước để lại, "là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa", vì vậy, di sản văn hóa giữ vai trò/trở thành nguồn lực phi vật thể đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Cũng do đó, việc nghiên cứu nhằm góp phần, làm sáng rõ hơn nhận thức này không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

2- Luật Di sản văn hóa đã xác định, di sản

văn hóa "là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (Điều 1). Như vậy, di sản văn hóa chính là sản phẩm sáng tạo trong quá trình hoạt động của con người nhằm vươn tới đỉnh cao giá trị chân - thiện - mỹ. Di sản văn hóa Việt Nam là sự kết tinh của mối quan hệ tổng hòa và tương tác giữa môi trường - con người - văn hóa, là sự vượt lên những thách thức khốc liệt bằng sự kiên trì, lòng dũng cảm, trí thông minh và khát vọng vươn tới tầm cao nhân loại, là sự dung hợp giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa riêng của mình với sự thích ứng và tiếp thu các văn hóa khác.

Cũng theo *Luật Di sản văn hóa*, di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Tuy vậy, xét đến cùng, rất khó phân tách thật rạch ròi giữa di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể, bởi không thể một di sản văn hóa vật thể nào lại không hàm chứa tri thức, kinh nghiệm, tinh thần và dấu ấn của chủ nhân sáng tạo, đồng thời cũng không một di sản văn hóa phi vật thể nào lại không chứa đựng và biểu hiện thông qua một cái vỏ vật chất cụ thể - mà cái vỏ vật chất cao cấp nhất, đặc biệt nhất chính là con người. Cho nên, điều lý thú được rút ra là, *con người cũng chính là một di sản văn hóa*, với ý nghĩa (con người) vừa là *chủ thể* (sáng tạo ra văn hóa), vừa là *khách thể* (văn hóa nhào nặn ra nhân cách con người) của văn hóa. Theo đó, "trong đời sống xã hội, mỗi hành xử của con người được coi như một lựa chọn, trong đó ẩn dấu một động cơ giá trị. Và, mỗi sản phẩm văn hóa được tạo ra đều chứa đựng một giá trị xã hội nào đó. Vì thế, có thể xem toàn bộ những tạo phẩm do hoạt động sáng tạo của con người trong quá khứ cũng như hiện tại làm ra được biểu hiện như là hình thức ngoại hiện của văn hóa, còn tổng giá trị xã hội chứa đựng trong các tạo phẩm ấy (cả vật thể và phi vật thể) trở thành nội dung tinh thần của văn hóa"².

3- Trong những thập kỷ gần đây, trên thế giới cũng như ở nước ta, khoa học phát triển và những lý thuyết về sự phát triển đang ngày càng khẳng định vị trí quan trọng của nó đối với

việc xây dựng các chiến lược hướng tới xã hội tương lai. Cùng với việc khẳng định vị trí quan trọng của mình, nhận thức mới về sự phát triển cũng ngày càng đổi mới, hoàn thiện. Ngày nay, các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế chỉ được coi là điều kiện "cần", mà chưa phải "đủ" của phát triển. Bên cạnh các chỉ tiêu về kinh tế, các chỉ tiêu về tuổi thọ bình quân, trình độ học vấn chung, tỉ lệ người có việc làm, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội... luôn được đánh giá là những chỉ tiêu quan trọng trong việc xác định chỉ tiêu tăng trưởng của các quốc gia. Điều đó cũng có nghĩa, phát triển, theo nhận thức mới, là *phát triển kinh tế phải gắn liền và được đo bằng hiệu quả xã hội, là phát triển kinh tế - xã hội*.

Di sản văn hóa là nguồn lực phi vật thể của sự phát triển kinh tế - xã hội bởi, trước hết, đặc trưng, cốt lõi của di sản văn hóa là giá trị văn hóa. Mà, giá trị văn hóa của các di sản ấy là cái vô hình/phi vật thể, nó chỉ phát huy tác dụng khi được *tiêm nhập* vào con người, để định hướng và chi phối các hoạt động sáng tạo của con người, trở thành nguồn lực của phát triển kinh tế - xã hội. Nói cách khác, giá trị văn hóa, với tư cách là một nguồn lực phát triển, chính là *nguồn lực con người*. Nguồn lực này là cái không dễ định lượng được như việc định lượng các nguồn lực khác của sự phát triển kinh tế (nguồn vốn, tài nguyên, khoa học - kỹ thuật và con người - xét về mặt vật thể). Do đó, nguồn lực di sản văn hóa là nguồn lực không thể thay thế, đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Bản sắc dân tộc Việt Nam, có "cốt lõi" là di sản văn hóa, "bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo"³ đã và đang thể hiện ngày càng rõ

hơn vai trò là một nguồn lực (phi vật thể) quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đất nước.

Có thể dẫn dụ một số mạch nguồn cơ bản hợp thành nguồn lực đặc biệt này⁴:

Thứ nhất, lòng yêu nước thì ở dân tộc nào chẳng có, nhưng đối với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước luôn mang trong mình và thể hiện hết sức sinh động một sắc thái riêng biệt, một tầm cao trí tuệ với một nhân sinh quan và thế giới quan sâu sắc, tạo thành sức mạnh của toàn dân tộc, đưa dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước; và đang hiện hữu trong hôm nay...

Thứ hai, sự gắn kết nhuần nhị, qua đó tạo nên sức mạnh dân tộc, giữa cá nhân - gia đình - làng - nước chính là một cấu trúc độc đáo, đặc thù của tổ chức xã hội Việt Nam. Sự gắn kết được hình thành xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn sản xuất và chiến đấu của dân tộc trong lịch sử, để rồi trở thành một truyền thống tốt đẹp - truyền thống đoàn kết dân tộc... Từ truyền thống ấy, sức mạnh của dân tộc đã được nhân lên gấp bội trong công cuộc trị thủy, chế ngự thiên nhiên để phát triển sản xuất và trong công cuộc chiến đấu giành và giữ gìn độc lập dân tộc.

Thứ ba, lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình chính là nền tảng, là nét nổi bật của giá trị văn hóa Việt Nam, là nhân cách tiêu biểu của người Việt Nam. Nhờ đó, mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc, dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn hay thuận lợi nào, cũng luôn được chia sẻ, được tôn trọng. Ngay cả với những người đã khuất, cũng luôn được những người đang sống tri ân theo đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây". Những tiêu chí đó, những biểu hiện đó là gì, nếu không phải là nguồn lực của phát triển và là những tiêu chí, những biểu hiện của một xã hội văn minh, phát triển?

Thứ tư, sự tinh tế trong ứng xử cũng chính là một nét đặc biệt của giá trị văn hóa Việt Nam được hình thành trong lịch sử. Sự tinh tế này chính là kết quả của việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa tính nguyên tắc và khả năng thích ứng của văn hóa và bản lĩnh dân tộc. Kết quả là, qua

mỗi lần diễn ra quá trình tiếp biến văn hóa lớn trong lịch sử, văn hóa Việt Nam lại được nâng lên một tầm cao mới, tạo nên một thế mạnh mới của dân tộc.

Cũng sẽ là gì, nếu không phải đó là một nguồn lực quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội?

Tuy vậy, di sản văn hóa sở dĩ là nguồn lực phi vật thể của sự phát triển kinh tế - xã hội còn bởi, cùng với giá trị văn hóa, di sản văn hóa còn hàm chứa *giá trị kinh tế*. Thông qua tác động của con người, với quá trình công nghệ của mình, giá trị kinh tế của văn hóa, vốn tiềm ẩn trong các di sản, được xuất lộ và phát huy tác dụng. Chẳng hạn, với các di tích lịch sử văn hóa, nhờ được bảo tồn, tôn tạo trong một quy hoạch tổng thể, gắn kết giữa di sản văn hóa và du lịch mà trở thành hàng hóa, thậm chí, là hàng hóa có giá trị kinh tế đặc biệt. Nguồn lợi kinh tế thu được hàng năm qua hoạt động văn hóa - du lịch tại các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới như Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long, Đô thị cổ Hội An... đạt mức hàng trăm tỉ đồng, là những ví dụ tiêu biểu. Tương tự như thế, các làn điệu dân ca, khi được vật thể hóa nhờ các băng hình, đĩa nhạc; các bí quyết nghề nghiệp và bàn tay khéo léo của thợ thủ công Việt Nam được thể hiện và phát huy trong việc sản xuất các mặt hàng thủ công - mỹ nghệ phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu..., sẽ trở thành hàng hóa, có hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Từ những trình bày trên, có thể khẳng định, giá trị văn hóa và giá trị kinh tế luôn là thuộc tính, là bản chất của di sản văn hóa, chúng tiềm ẩn trong di sản văn hóa. Thông qua và bằng chính hoạt động thực tiễn của con người, mà các giá trị ấy được bộc lộ, trở thành nguồn lực đặc biệt - nguồn lực phi vật thể của sự phát triển kinh tế xã hội đất nước.

4- Từ nhận thức di sản văn hóa là nguồn lực đặc biệt tác động vào sự phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm qua, đặc biệt là từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã hết sức quan tâm tới sự nghiệp gìn giữ và phát huy di sản văn hóa dân tộc, nhờ đó, đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tiêu biểu là:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc: Trong các Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa VII), Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) và trong các Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, Đại hội lần thứ IX, Đại hội lần thứ X của Đảng, vấn đề giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc đã được chỉ ra đúng đắn và nhất quán. Qua đó, Đảng ta không chỉ khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của di sản văn hóa, mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước và của toàn dân đối với sự nghiệp thiêng liêng này.

- Về quản lý nhà nước: Trong những năm qua, thực hiện việc tăng cường quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật, chúng ta đã xây dựng và thể chế hóa trong thực tiễn hoạt động các văn bản quy phạm pháp luật: *Pháp lệnh bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh (từ năm 1984), nay là Luật Di sản văn hóa*, và hàng loạt văn bản pháp quy khác. Cùng đó, bộ máy quản lý nhà nước, các thiết chế thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát huy di sản văn hóa cũng ngày càng được tăng cường từ cấp trung ương tới cơ sở.

- Về đầu tư kinh phí cho sự nghiệp này, từ năm 1993, nhà nước đã triển khai chương trình mục tiêu chống xuống cấp các di tích lịch sử, văn hóa, hỗ trợ phát triển hoạt động bảo tàng, với mức đầu tư ổn định hàng chục tỷ đồng/năm. Cùng đó, với việc xác lập các cơ chế thích hợp, nhà nước đã huy động được sự đóng góp của toàn dân, toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp này. Nhờ vậy, hàng trăm di tích lịch sử văn hóa đã không chỉ được cứu vãn khỏi sự sụp đổ, mà còn được tu bổ, tôn tạo; hệ thống bảo tàng Việt Nam cũng đã lên tới con số hơn một trăm. Các di tích và bảo tàng đó đã và đang trở thành những địa chỉ cụ thể của nguồn lực phát triển kinh tế, du lịch.

- Việc xếp hạng di tích cũng giành được sự quan tâm đáng kể. Đến nay, chúng ta đã công nhận được gần 3000 di tích cấp quốc gia, đồng thời UNESCO đã công nhận 5 di sản văn hóa và thiên nhiên của Việt Nam là những *di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long, Khu phố cổ Hội An, Khu di tích Mỹ Sơn, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ

Bàng); 02 kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc (triều Nguyễn), Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên). Từ những kết quả ấy, di sản văn hóa Việt Nam không chỉ được tôn vinh, mà còn được giới thiệu - quảng bá rộng rãi ở nước ta và quốc tế.

Cuối cùng, phải kể đến thành tựu quan trọng là đến nay, nhờ sự quan tâm của nhà nước, chúng ta đã hình thành được một đội ngũ cán bộ làm công tác giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc khá đông đảo, có chất lượng. Đội ngũ ấy, trên toàn quốc, lên tới hơn 2.000 người, trong đó có gần 1.500 cán bộ có trình độ đại học, nhiều người có học hàm, học vị và uy tín khoa học cao. Đây chính là một nguồn lực quan trọng, góp phần quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Từ những trình bày trên đây, theo chúng tôi, trong thời gian tới, chúng ta cần quan tâm thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây để thực sự phát huy nguồn lực di sản văn hóa trong tiến trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội đất nước:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức đúng đắn và đầy đủ của các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, và của cả cộng đồng, về tính cấp bách và về vai trò cực kỳ quan trọng của sự nghiệp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Giải pháp này cần được thực hiện thông qua việc xây dựng, thực thi các cơ chế, chính sách, các hoạt động tuyên truyền và giáo dục cộng đồng để mang lại hiệu quả thực tế.

- Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm "nối dài cánh tay" cho các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, qua đó, khiến các giá trị kinh tế của di sản được bộc lộ, chuyển hóa thành các hàng hóa - dịch vụ mang lại hiệu quả cao, phục vụ sự phát triển kinh tế đất nước. Đây là một lĩnh vực mà hiện nay, trong triển khai thực hiện, chúng ta còn nhiều hạn chế, bất cập, nên rất cần được khắc phục kịp thời.

- Cần gắn kết việc giữ gìn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc với việc xây dựng môi trường sinh thái nhân văn và đời sống văn hóa cộng đồng. Chỉ có như vậy, cùng với sự tăng

trưởng kinh tế, mới góp phần tạo được sự phát triển bền vững thực sự của đất nước.

- Cuối cùng, việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phải được gắn liền, phối hợp chặt chẽ với việc phát triển du lịch bền vững. Giải pháp này giúp chúng ta không chỉ khai thác được ngày càng nhiều tiềm năng của di sản văn hóa để phát triển kinh tế, mà còn luôn luôn giữ gìn được di sản văn hóa của dân tộc, tức là giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc trước mọi thử thách của xu hướng toàn cầu hóa.

5- Không còn nghi ngờ gì nữa, văn hóa Việt Nam là khuôn diện, là sự thể hiện sinh động sức sống của dân tộc Việt Nam, một nguồn lực quan trọng đưa tới sự phát triển bền vững của đất nước. Nguồn lực này luôn tiềm ẩn trong văn hóa truyền thống, tức là di sản văn hóa dân tộc. Do vậy, di sản văn hóa dân tộc là cái gốc, là chất nuôi dưỡng sự phát triển của đất nước, là

chất keo gắn kết cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, đưa di sản văn hóa dân tộc thực sự trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội đất nước, trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của chúng ta, là vì vậy./.

N.H.T

Chú thích:

- 1- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb. Chính trị Quốc gia, H.1998, tr. 63.
- 2- GS.TS. Hoàng Vinh, *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta hiện nay*, Tr. 63.
- 3- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, đã dẫn, tr.56.
- 4- Xem thêm: Lưu Trần Tiêu (2002), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật xuất bản, H. 2002.

Hồ Ba Bể - Ảnh: Tuấn Anh



CULTURAL HERITAGE AS A RESOURCE FOR SOCIO - ECONOMIC DEVELOPMENT (NGUYỄN HỮU TOÀN)

Cultural heritage is considered as one the resources for socio-economic development. From the consideration of cultural heritage as an intangible resource for development, the author gives that: 1) The value of cultural heritage is the invisible/intangible element, which will be of effect only when it is integrated into the human entity; 2) Together with cultural implications, cultural heritage is also embedded with economic value which is more and more effectively developed and promoted in everyday life; 3) Abovementioned awareness has been and needs to be further concretized in the safeguarding of cultural heritage.